

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **610** /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày **08** tháng **03** năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 1201/NQ-UBTVQH15 ngày 01/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về phân loại đô thị;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 56-CP năm 1994 về việc thành lập thị trấn Yên Mỹ thuộc huyện Mỹ Văn trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Trai Trang cũ; số 57-CP ngày 07/10/1995 về việc thành lập thị trấn thuộc huyện Kim Môn và huyện Phù Tiên thuộc tỉnh Hải Hưng; số 17-CP ngày 23/3/1996 về việc thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Ân Thi, Thanh Miện, tỉnh Hải Hưng; số 102-CP ngày 24/9/1997 về việc thành lập thị trấn Khoái Châu thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên; số 35/1999/NĐ-CP ngày 14/5/1999 về việc thành lập thị trấn Văn Giang thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên; số 50/2000/NĐ-CP ngày 22/9/2000 về việc thành lập thị trấn huyện lỵ huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; số 28/2002/NĐ-CP ngày 22/3/2002 về việc thành lập thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; số 61/2005/NĐ-CP ngày 16/5/2005 của Chính phủ về việc thành lập thị trấn Hưng Nhân, thị trấn An Bài tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Thái Bình là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Thái Bình;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 1012/QĐ-BXD ngày 17/7/2007 về việc công nhận thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III; số 1588/QĐ-BXD ngày 30/12/2014 về việc công nhận thị trấn Bàn Yên Nhân mở rộng (đô thị Mỹ Hào), huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; số 1005/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 về việc công nhận khu vực phát triển đô thị trung tâm huyện Văn Lâm (thị trấn Như Quỳnh và khu vực phát triển mở rộng) tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV; số 487/QĐ-BXD ngày 13/4/2018 về việc công nhận thị trấn Diêm Điền mở rộng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; số 1038/QĐ-BXD ngày 11/11/2024 về việc công nhận thị trấn Tiên Hải mở rộng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình đạt tiêu chí đô thị loại IV;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình: số 1806/QĐ-UBND ngày 21/8/2013 về việc công nhận đô thị Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là đô thị loại V; số 1787/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 về việc công nhận Đô thị Thái Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình là đô thị loại V;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 về việc công nhận khu vực xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; số 2731/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 về việc công nhận khu vực xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; số

2734/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 về việc công nhận khu vực xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; số 2733/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 về việc công nhận khu vực xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; số 2735/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 về việc công nhận khu vực xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; số 2854/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc công nhận khu vực xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động đạt tiêu chí đô thị loại V; số 2855/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc công nhận khu vực xã Toàn Thắng, huyện Kim Động đạt tiêu chí đô thị loại V; số 2842/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 về việc công nhận khu vực xã Thụy Lôì, huyện Tiên Lữ đạt tiêu chí đô thị loại V; số 2843/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 về việc công nhận khu vực xã Đình Cao, huyện Phù Cừ đạt tiêu chí đô thị loại V; số 1008/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 về việc công nhận khu vực xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu đạt tiêu chí đô thị loại V; số 923/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 về việc công nhận khu vực xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu đạt tiêu chí đô thị loại V; số 922/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 về việc công nhận khu vực xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu đạt tiêu chí đô thị loại V; số 2844/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 về việc công nhận khu vực xã Hồng Quang, huyện Ân Thi đạt tiêu chí đô thị loại V;

Căn cứ Kết luận của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp giao ban Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 27/02/2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 46/TTr-SXD ngày 12 tháng 02 năm 2026.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo).

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Xây dựng:**

- Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai tổ chức lập và thực hiện kế hoạch phát triển đô thị và quy hoạch có liên quan; đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện công nhận loại đô thị, công nhận trình độ phát triển đô thị, triển khai khu vực phát triển đô thị trên địa bàn theo quy định; tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã;

- Hàng năm tham mưu tổ chức đánh giá việc thực hiện các nội dung được quy định trong chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; định kỳ hoặc đột xuất tham mưu báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong lĩnh vực phát triển đô thị.

## 2. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, đảm bảo kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng, điều chỉnh, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và công bố việc công nhận loại đô thị trên địa bàn theo quy định.

- Tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư công hoặc nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện khu vực phát triển đô thị (nếu có), các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn theo chương trình, kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt.

## 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ danh mục được công bố tại Quyết định này, khẩn trương rà soát thực trạng phát triển đô thị trên địa bàn theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15; tổ chức xây dựng, trình phê duyệt hoặc thực hiện phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn và các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng bảo đảm hoàn thiện chất lượng đô thị theo quy định;

- Triển khai thực hiện các quy định về phát triển đô thị thuộc thẩm quyền được giao theo quy định; chủ động huy động nguồn lực, kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật trong phát triển đô thị; thực hiện kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý phát triển đô thị trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Định kỳ rà soát, đánh giá chất lượng đô thị, công khai công bố các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được theo từng giai đoạn của chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị; định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong lĩnh vực phát triển đô thị.

4. Các sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (*đặc biệt là các công trình y tế, giáo dục và văn hóa cấp đô thị*) và không gian, kiến trúc, cảnh quan theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT1<sup>C.T.H.</sup>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hùng Nam**

**Phụ lục I**  
**Danh mục đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị
1	Thành phố Thái Bình	II	Quyết định số 2418/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ	1	Đô thị Thái Bình	II
2	Thành phố Hưng Yên	III	Quyết định số 1012/QĐ-BXD ngày 17/07/2007 của Bộ Xây dựng	2	Đô thị Hưng Yên	II
3	Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	IV	Quyết định số 1558/QĐ-BXD ngày 20/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	3	Đô thị Mỹ Hào	III
4	Khu vực đạt tiêu chí đô thị loại 4 trung tâm huyện Văn Lâm (gồm Thị trấn Như Quỳnh và 05 xã: Đình Dù, Trung Trác, Tân Quang, Lạc Hồng, Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên)	IV	Quyết định số 1005/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	4	Đô thị Văn Lâm	III
5	Thị trấn Diêm Điền mở rộng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	IV	Quyết định số 487/QĐ-BXD ngày 13/4/2018 của Bộ Xây dựng	5	Đô thị Diêm Điền	III
6	Thị trấn Tiền Hải mở rộng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	IV	Thành lập thị trấn tại Quyết định số 169-HĐBT ngày 13/12/1986 của Hội đồng bộ trưởng; Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 11/11/2024 của Bộ Xây dựng	6	Đô thị Tiền Hải	III
7	Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 28/2002/NĐ-CP ngày 22/3/2002 của Chính phủ	7	Đô thị Lương Bằng	III




TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị
8	Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 50/2000/NĐ-CP ngày 22/9/2000	8	Đô thị Trần Cao	III
9	Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 57-CP ngày 07/10/1995 của Chính phủ	9	Đô thị Vương	III
10	Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 102-CP ngày 24/9/1997 của Chính phủ	10	Đô thị Khoái Châu	III
11	Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 35/1999/NĐ-CP ngày 14/5/1999	11	Đô thị Văn Giang	III
12	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 56-CP năm 1994 của Chính phủ	12	Đô thị Yên Mỹ	III
13	Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 17-CP ngày 23/3/1996 của Chính phủ	13	Đô thị Ân Thi	III
14	Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Quyết định số 72-HĐBT ngày 21/6/1989 của Hội đồng bộ trưởng;	14	Đô thị Hưng Hà,	III
15	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 61/2005/NĐ-CP ngày 16/5/2005 của Chính phủ	15	Đô thị Hưng Nhân	III
16	Thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Quyết định số 159-HĐBT ngày	16	Đô thị Đông Hưng	III



TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị
			02/12/1986 của Hội đồng bộ trưởng			
17	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Nghị định số 61/2005/NĐ-CP ngày 16/5/2005	17	Đô thị An Bài	III
18	Thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn. Thành lập trước thời điểm Quyết định số 132-HĐBT ngày 05/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng	18	Đô thị Quỳnh Côi	III
19	Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Quyết định số 169-HĐBT ngày 13/12/1986 của Hội đồng bộ trưởng	19	Đô thị Vũ Thư	III
20	Thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	V	Chưa được công nhận loại đô thị, thành lập thị trấn tại Quyết định số 102-HĐBT ngày 08/6/1988 của Hội đồng bộ trưởng; Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội	20	Đô thị Kiến Xương	III
21	Đô thị Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	V	Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 21/8/2013 của UBND tỉnh Thái Bình	21	Đô thị Vũ Quý	III
22	Đô thị Thái Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	V	Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 06/8/2012	22	Đô thị Thái Ninh	III
23	Đô thị Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên	23	Đô thị Mễ Sở	III
24	Đô thị Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên	24	Đô thị Giai Phạm	III

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị
25	Đô thị Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên	25	Đô thị Liêu Xá	III
26	Đô thị Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên	26	Đô thị Nghĩa Hiệp	III
27	Đô thị Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên	27	Đô thị Tân Lập	III
28	Đô thị Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên	28	Đô thị Nghĩa Dân	III
29	Đô thị Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên	29	Đô thị Toàn Thắng	III
30	Đô thị Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên	30	Đô thị Thụy Lôi	III
31	Đô thị Đình Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên	31	Đô thị Đình Cao	III
32	Đô thị Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên	32	Đô thị Dân Tiến	III
33	Đô thị Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên	33	Đô thị Hồng Tiến	III
34	Đô thị Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên	34	Đô thị Đồng Tiến	III
35	Đô thị Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	V	Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên	35	Đô thị Hồng Quang	III

Ghi chú: Phạm vi đô thị sau chuyển tiếp trùng với phạm vi đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị (hoặc thành lập thị trấn). 

**Phụ lục II**  
**Danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP (*)			SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên phường	Mức độ trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	STT	Tên phường	Mức độ trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại
1	Phường An Tảo	III	1	Phường Phố Hiến	II
	Phường Hiến Nam	III			
	Xã Trung Nghĩa	-			
2	Phường Lê Lợi	III	2	Phường Sơn Nam	III
	Phường Minh Khai	III			
	Xã Liên Phương	-			
	Xã Ngọc Thanh	-			
	Xã Phú Cường	-			
3	Phường Hồng Châu	III	3	Phường Hồng Châu	II
	Xã Hoàng Hanh	-			
	Xã Quảng Châu	-			
4	Phường Lê Hồng Phong	II	4	Phường Thái Bình	III
	Phường Bồ Xuyên	II			
	Phường Tiên Phong	II			
	Xã Phúc Thành	-			
	Xã Tân Phong	-			
	Xã Tân Bình	-			
5	Phường Trần Hưng Đạo	II	5	Phường Trần Hưng Đạo	II
	Phường Đề Thám	II			
	Phường Quang Trung	II			
	Xã Phú Xuân	-			
6	Phường Phú Khánh	II	6	Phường Vũ Phúc	III
	Xã Nguyên Xá	-			
	Xã Song An	-			
	Xã Trung An	-			
	Xã Vũ Phúc	-			
7	Phường Trần Lãm	II	7	Phường Trần Lãm	III
	Phường Kỳ Bá	II			
	Xã Vũ Đông	-			
	Xã Vũ Chính	-			
	Xã Tây Sơn	-			
	Xã Vũ Lạc	-			
8	Phường Hoàng Diệu	II	8	Phường Trà Lý	III
	Xã Đông Mỹ	-			
	Xã Đông Hoà	-			
	Xã Đông Thọ	-			

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP (*)			SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên phường	Mức độ trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	STT	Tên phường	Mức độ trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại
	Xã Đông Dương	-			
9	Phường Bàn Yên Nhân	IV	9	Phường Mỹ Hào	III
	Phường Nhân Hòa	IV			
	Phường Phan Đình Phùng	IV			
	Xã Cẩm Xá	-			
10	Phường Dị Sử	IV	10	Phường Đường Hào	III
	Phường Phùng Chí Kiên	IV			
	Xã Xuân Dục	-			
	Xã Ngọc Lâm	-			
11	Phường Minh Đức	IV	11	Phường Thượng Hồng	III
	Phường Bạch Sam	IV			
	Xã Hòa Phong	-			
	Xã Dương Quang	-			

(\*) Tên gọi và mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường được cấp có thẩm quyền công nhận xác định đến trước thời điểm ngày 01/7/2025. 